Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3002.90.00

Mã HS	3002.90.00
Mô tả hàng hóa	Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không được cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học; vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự; tế bào nuôi cấy, có hoặc không cải biến / - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 13:04:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30029000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4551
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4551
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4551
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4471
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4432
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4432
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4432
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4432
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4432
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4432
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4470
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4470
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4470
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4470

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4470
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4470
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4474
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4474
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4474
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4474
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4474
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4474
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4474
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4438
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4434
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4434
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4434
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4434
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4434
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4434
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4434
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4434
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4434
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4434
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4434
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4434
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4481
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4481
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4481
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4481

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4481
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4481
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4478
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4478
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4478
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4478
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4478
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4478
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D605
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E605
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4486
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4486
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4486
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4486
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4486
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4486
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4457
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4457
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4457
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4457
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4457
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4457
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4459
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4459
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4459
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4459

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4459
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4459
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4457
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4457
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4457
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4457
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4457
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4457
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4457
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4478
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4478
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4478
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4478
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4478
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4478
RCEP B	2022	2022	0	B!D4478
RCEP B	2023	2023	0	B!E4478
RCEP B	2024	2024	0	B!F4478
RCEP B	2025	2025	0	B!G4478
RCEP B	2026	2026	0	B!H4478
RCEP B	2027	2027	0	B!I4478
RCEP C	2022	2022	0	C!D4478
RCEP C	2023	2023	0	C!E4478
RCEP C	2024	2024	0	C!F4478
RCEP C	2025	2025	0	C!G4478
RCEP C	2026	2026	0	C!H4478

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4478
RCEP D	2022	2022	0	D!D4478
RCEP D	2023	2023	0	D!E4478
RCEP D	2024	2024	0	D!F4478
RCEP D	2025	2025	0	D!G4478
RCEP D	2026	2026	0	D!H4478
RCEP D	2027	2027	0	D!I4478
RCEP E	2022	2022	0	E!D4481
RCEP E	2023	2023	0	E!E4481
RCEP E	2024	2024	0	E!F4481
RCEP E	2025	2025	0	E!G4481
RCEP E	2026	2026	0	E!H4481
RCEP E	2027	2027	0	E!I4481
RCEP F	2022	2022	0	F!D4478
RCEP F	2023	2023	0	F!E4478
RCEP F	2024	2024	0	F!F4478
RCEP F	2025	2025	0	F!G4478
RCEP F	2026	2026	0	F!H4478
RCEP F	2027	2027	0	F!I4478
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4122
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4122
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4122
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4122

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3002.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3002.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4551), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.